

**TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ**

*

**BẢN TIN LÝ LUẬN
VÀ THỰC TIỄN NĂM 2020**

Trên Trang thông tin điện tử Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên

Thái Nguyên, 8/2020

MỤC LỤC

BẢN TIN LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRÊN TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ NĂM 2020

STT	NỘI DUNG	HỌ VÀ TÊN	TRANG
1	Đổi mới phong cách lãnh đạo và phát huy vai trò nêu gương của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý theo tư tưởng Hồ Chí Minh	ThS. Nguyễn Thu Huyền, Tỉnh ủy viên, Hiệu trưởng	01
2	Bàn về lý luận và căn bệnh “kém lý luận”, “khinh lý luận” hoặc “lý luận xuống” trong tác phẩm Sửa đổi lối làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh	TS. Nguyễn Phúc Ái Phó Hiệu trưởng	06
3	Đội ngũ cán bộ, đảng viên Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên tích cực học tập và làm theo phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh	ThS. Vũ Mạnh Hà Trưởng khoa Lý luận cơ sở	10
4	Tính khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin là sự thống nhất biện chứng	ThS. Nguyễn Thị Thúy Hằng Khoa Lý luận cơ sở	14
5	Đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ở tỉnh Thái Nguyên	ThS. Ngô Thị Hồng Nhung Trưởng khoa Xây dựng Đảng	20
6	Giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay	ThS. Đàm Thị Hạnh Phó Trưởng khoa Xây dựng Đảng	23
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh về Liêm chính và xây dựng đạo đức Liêm chính phòng ngừa tham nhũng hiện nay	ThS. Nguyễn Thị Hồng Mây Trưởng phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học	29
8	Học viên Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên học tập đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh	ThS. Hoàng Thị Vân Bí thư Đoàn Trường PTTT Định Hóa	34
9	Vai trò của người phụ nữ Việt Nam trong gia đình và xã hội	ThS. Trần Thị Thanh Huyền Giảng viên Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học	38
10	Quyền tham chính của phụ nữ	ThS. Trần Thu Trang Giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật	40

ĐỔI MỚI PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO VÀ PHÁT HUY VAI TRÒ NÊU GƯƠNG CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

ThS. Nguyễn Thu Huyền
Tỉnh ủy viên, Hiệu trưởng

Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là tài sản vô giá mà Người để lại cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Việt Nam. Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện trên tất cả mọi mặt, mọi lĩnh vực công tác và cuộc sống; trong đó phong cách lãnh đạo và vấn đề nêu gương của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý được Người đặc biệt chú trọng, quan tâm nhắc nhở, dạy bảo rất sâu sắc.

Ngay sau khi giành được độc lập, dù bận rộn với bao công việc quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế xã hội và đối phó với thù trong, giặc ngoài, nhưng Người vẫn luôn quan tâm, chú trọng đến việc giáo dục, rèn luyện cán bộ. Tháng 10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng, trong thư Người nhấn mạnh: *“Chúng ta phải hiểu rằng các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc đến các làng đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật. Việc gì có lợi cho dân ta phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta...”*.

Ngày 1/3/1947, trong thư “Gửi các đồng chí Bắc Bộ”, Hồ Chủ tịch đã chỉ ra 8 khuyết điểm của cán bộ cần “phải kiên quyết tẩy sạch”. Đó là: Địa phương chủ nghĩa; óc bè phái; óc quân phiệt, quan liêu; óc hẹp hòi; ham chuộng hình thức; làm việc lười bàn giấy; vô kỷ luật, kỷ luật không nghiêm; ích kỷ, hủ hóa.

Người luôn coi trọng rèn luyện phong cách, tư chất người cán bộ nói chung và người lãnh đạo nói riêng. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, “cán bộ là gốc của mọi công việc”, nhưng làm cán bộ không phải để “làm quan cách mạng”, “thăng quan phát tài, “vinh thân, phì gia” hoặc “dĩ công dinh tư” mà để phục vụ nhân dân. Người cán bộ, đảng viên phải rèn luyện tính Đảng; đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết; việc gì cũng phải điều tra rõ ràng, cẩn thận và phải làm đến nơi đến chốn; lý luận và thực hành phải luôn đi đôi với nhau; đồng thời, phải luôn chú trọng thực hiện “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”.

Ngày 20/5/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh trở lại Định Hóa, Thái Nguyên đặt đại bản doanh lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân và toàn quân kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trong suốt những năm kháng chiến Bác Hồ ở ATK Định Hóa lãnh đạo, Người đã dành thì giờ hiếm hoi của mình gặp các đồng chí lãnh đạo tỉnh, huyện và nhiều xã của huyện Định Hóa, đi thăm công nhân, nông

dân, bộ đội, dân công, thanh niên xung phong...đề động viên và nhắc nhở mọi người thi đua làm tốt mọi công việc kháng chiến.

Cũng tại Định Hóa, Thái Nguyên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc”. Đây là tác phẩm vô cùng giá trị cả về lý luận và thực tiễn.

Trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc”, tư cách, đạo đức cách mạng và vấn đề cán bộ là hai trong sáu nội dung Người viết. Người nhấn mạnh tư cách của Đảng chân chính cách mạng; cán bộ, đảng viên phải hoàn toàn phục tùng lợi ích của Đảng; có đạo đức cách mạng “nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm”; “Đồng thời, bất kỳ ở hoàn cảnh nào, đảng viên và cán bộ cần phải luôn luôn ra sức phấn đấu, ra sức làm việc, cố gắng học tập để nâng cao trình độ văn hoá, trí thức và chính trị của mình. Luôn luôn giữ gìn kỷ luật. Luôn luôn xứng đáng một người cán bộ, một người đảng viên”.

Vì “cán bộ là gốc của mọi công việc”, nên Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng đến công tác huấn luyện cán bộ, Người coi “huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”. Trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc”, nói đến những điểm lớn về chính sách cán bộ, Người nói: *“Phải đào tạo một mớ cán bộ phụ trách, có gan làm việc, ham làm việc. Có thể Đảng mới thành công. Nếu đào tạo một mớ cán bộ nhát gan, dễ bảo “đập đi, hò đứng”, không dám phụ trách. Như thế là một việc thất bại cho Đảng”*... *“Vô luận lúc nào, vô luận việc gì, đảng viên và cán bộ phải đặt lợi ích của Đảng ra trước, lợi ích của cá nhân lại sau. Đó là nguyên tắc cao nhất của Đảng. Đó là “tính Đảng”*”.

Cũng trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm, lệch lạc trong nhận thức, tư tưởng, phẩm chất đạo đức, lối sống và năng lực công tác của cán bộ, đảng viên; đồng thời, Người đã nêu rõ những biện pháp cần thiết để chữa trị những căn bệnh này.

Ngay từ khi mới đến Định Hóa năm 1947, việc đầu tiên với địa phương là Bác gặp ngay Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính huyện nghe báo cáo tình hình mọi mặt trong huyện, chỉ bảo, nhắc nhở; đồng thời ngay sau đó, Người giao cho các cơ quan của Trung ương, của Chính phủ thành lập các tổ công tác xuống các xã của Định Hóa giúp củng cố phong trào ở cơ sở.

Như vậy, có thể thấy, từ những năm tháng kháng chiến, Người đã luôn nhấn mạnh đến việc rèn luyện cán bộ và đề cao tính tiên phong gương mẫu, tính nêu gương của cán bộ, đảng viên, của người đứng đầu. Người thường xuyên phê phán phong cách lãnh đạo quan liêu, thích làm việc bằng giấy tờ thật nhiều; ngồi một nơi chỉ tay năm ngón, không chịu xuống địa phương kiểm tra công tác. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra 3 loại khuyết điểm chính và cho rằng từ 3 loại chính sẽ sinh ra hàng chục biểu hiện khác như: Bệnh quan liêu, bệnh kiêu ngạo, óc địa phương, bệnh xa quần chúng, bệnh ích kỷ... Và để tránh cho cán bộ khỏi những

khuyết điểm nói trên, không biến thành “sâu mọt của dân”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên 4 điều: cần, kiệm, liêm, chính, rất cần mỗi cán bộ, đảng viên phải quan tâm, chú trọng giữ cho đúng.

Hơn ai hết, Người hiểu sâu sắc, cần “phải sửa đổi lối làm việc của Đảng”, đó là cách tốt nhất để phòng, chống nguy cơ suy thoái của Đảng khi trở thành Đảng cầm quyền. Bởi, khuyết điểm hay sai lầm của người lãnh đạo, trong đó có sai lầm về phong cách lãnh đạo sẽ có tác hại rất lớn đến sự phát triển của Đảng nói chung, đến mỗi cơ quan, tổ chức nói riêng. Phong cách người lãnh đạo là một trong những yếu tố quan trọng có tính quyết định đến chất lượng, hiệu quả công việc.

Phong cách Hồ Chí Minh là phong cách khoa học, khách quan; dân chủ, quyết đoán; gần gũi quần chúng nhân dân, sâu sát cơ sở; nêu gương, nói đi đôi với làm; trọng dụng người tài... Người là một tấm gương mẫu mực để đòi hỏi các thế hệ cán bộ, đảng viên noi theo. Tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người là tài sản vô giá, là kim chỉ nam cho việc xây dựng đường lối lãnh đạo của Đảng, cho việc rèn luyện tư cách, đạo đức và sự nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp.

Thấm nhuần tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong suốt chiều dài lịch sử, suốt quá trình xây dựng và phát triển của mình, qua các nhiệm kỳ đại hội, Đảng ta luôn chú trọng đến công tác xây dựng Đảng, trong đó xác định công tác cán bộ là then chốt của công tác xây dựng Đảng; đồng thời đưa nội dung học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, coi đó là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cán bộ, đảng viên. Điều đó được thể hiện rất rõ ở Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII và gần đây nhất, Đại hội đại biểu toàn quốc lần XIII của Đảng đã xác định: *“Trong những năm tới phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa xây dựng chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ”*.

Trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Đảng ta cũng đặc biệt chú trọng đến trách nhiệm, tác phong và sự nêu gương của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác lãnh đạo, quản lý thực hiện nhiệm vụ và trong cuộc sống hàng ngày. Những nội dung đó tiếp tục được nhấn mạnh ở Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” gắn với thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Việc triển khai các nội dung này được gắn liền với việc thực hiện các nghị quyết của Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và

các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là với vai trò người đứng đầu cấp ủy, chính quyền.

Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nói chung và trong công tác đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh nói riêng cần hết sức quan tâm, chú trọng đến những lời chỉ dạy về huấn luyện cán bộ của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong “Sửa đổi lối làm việc”. Người dạy: “Huấn luyện lý luận có hai cách: Một cách là chỉ đem lý luận khô khan nhét cho đầy óc họ. Rồi bày cho họ viết những chương trình, những hiệu triệu rất kêu. Nhưng đối với việc thực tế, tuyên truyền, vận động, tổ chức, kinh nghiệm chỉ nói qua loa mà thôi. *Thế là lý luận suông, vô ích.* Một cách là trong lúc học lý luận, phải nghiên cứu công việc thực tế, kinh nghiệm thực tế. Lúc học rồi, họ có thể tự mình tìm ra phương hướng chính trị có thể làm những công việc thực tế, có thể trở nên người tổ chức và lãnh đạo. *Thế là lý luận thiết thực, có ích*”.

Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cần chú ý để không mắc phải những hạn chế, khuyết điểm như Người dạy “*Đã có nơi mở lớp huấn luyện, thế rất tốt. Song những lớp ấy còn nhiều khuyết điểm. Thí dụ: huấn luyện cho cán bộ trong các cơ quan hành chính mà không đụng đến công việc hành chính. Còn dạy chính trị thì mênh mông mà không thiết thực, học rồi không dùng được*”.

Hơn ai hết những người làm công tác đào tạo, bồi dưỡng phải tuyệt đối tránh bệnh chủ quan, bệnh hẹp hòi, bệnh ba hoa; lý luận và thực tế phải ăn khớp với nhau, tránh dạy một cách máy móc, dạy theo cách học thuộc lòng.

Có thể nói nghiên cứu riêng về tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc” và nghiên cứu sâu về cuộc đời, sự nghiệp, về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho mỗi chúng ta những bài học vô cùng giá trị về tất cả mọi mặt, mọi lĩnh vực; nhất là trong công tác xây Đảng về cả tư tưởng, tổ chức và cán bộ. Riêng về công tác cán bộ, sự chỉ dạy của Người đã bao gồm tỉ mỉ từ việc huấn luyện cán bộ trên tất cả các mặt, đến việc dạy cán bộ, dùng cán bộ, lựa chọn cán bộ, đối với cán bộ, chính sách cán bộ...

Mỗi người lãnh đạo nói riêng và cán bộ, đảng viên nói chung đều hiểu có rất nhiều phong cách lãnh đạo khác nhau, song không có phong cách nào là hoàn hảo, tuyệt đối phù hợp cho một người lãnh đạo, mà một người lãnh đạo giỏi là người lãnh đạo biết sử dụng các phong cách lãnh đạo phù hợp với điều kiện thực tế của từng công việc, từng hoàn cảnh và từng đối tượng cụ thể để đạt được kết quả tối ưu nhất cho tổ chức. Phải luôn công minh, chính trực, luôn đặt lợi ích của tập thể, của quốc gia dân tộc lên trên lợi ích cá nhân. Người lãnh đạo phải luôn biết nhẫn nại, chịu khó, tháo vát và sáng tạo; đồng thời kiên quyết khắc phục những khuyết điểm của bản thân.

Người lãnh đạo, quản lý phải luôn làm gương ở nhiều môi trường và cấp độ khác nhau. Làm gương phải bằng hành động, bằng những việc làm cụ thể,

chứ không phải nói suông. Nhân dân ta thường nói “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”. Trong mọi biểu hiện làm gương thì người đứng đầu, cán bộ chủ chốt giữ vai trò rất quan trọng. Muốn hướng dẫn cấp dưới và nhân dân thì mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước. Cán bộ đảng viên phải đầu tàu gương mẫu “miệng nói tay làm”, phải nêu tấm gương đạo đức cách mạng trước quần chúng. Sống theo phương châm “Mình vì mọi người”.

Mọi cán bộ, đảng viên đều phải luôn gương mẫu trong công việc, trách nhiệm được giao; gương mẫu về phẩm chất, nhân cách, lối sống; gương mẫu trong phong cách làm việc dân chủ, khoa học, gần dân, sát thực tế, thống nhất giữa nói và làm; gương mẫu trong hưởng thụ quyền lợi vật chất; trung thực, thẳng thắn trong đấu tranh, sống tình nghĩa, “có trước có sau”, quan tâm chăm lo cho đồng nghiệp, gia đình, người thân và nhân dân.

Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh nói riêng và hệ thống Trường Đảng nói chung đã và đang không ngừng rèn luyện phong cách, tư chất, sự nêu gương của người cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ. Và một lần nữa chúng ta khẳng định những lời chỉ dạy của Người vẫn luôn và sẽ là những bài học sống động, quý giá để mỗi cán bộ tự soi, tự sửa, để xứng đáng là “người đầy tớ trung thành của Nhân dân”.

BÀN VỀ LÝ LUẬN VÀ CĂN BỆNH “KÉM LÝ LUẬN”, “KHINH LÝ LUẬN” HOẶC “LÝ LUẬN XUÔNG” TRONG TÁC PHẨM SỬA ĐỔI LỜI LÀM VIỆC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Phúc Ái

Phó Hiệu trưởng

Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi trọng vai trò của lý luận cách mạng. Ngay từ năm 1927, trong tác phẩm “*Đường cách mệnh*”, Người đã khẳng định: “*Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin*”¹. Theo Người, giáo dục lý luận là giáo dục chính trị, truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin, bởi đặc trưng của chủ nghĩa Mác-Lênin là tính cách mạng, tính khoa học, nó thể hiện lập trường tư tưởng của giai cấp công nhân, bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Nó đem lại sự hiểu biết về quá trình diễn biến lịch sử, về sự phát triển của thời đại, giúp con người nhận thức được bản chất các sự vật và hiện tượng trong thế giới. Đồng thời, giáo dục lý luận chính trị là nâng cao đạo đức cách mạng cho các bộ đảng viên và quần chúng nhân dân, nhằm thống nhất về tư tưởng, ý chí, phẩm chất cách mạng và năng lực hoạt động thực tiễn của họ, hướng dẫn họ vận dụng những hiểu biết ấy vào cuộc sống.

Hai năm sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công và Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền, lãnh đạo mọi mặt đời sống xã hội, đã xuất hiện những khuyết điểm trong hoạt động lãnh đạo của Đảng, ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, gây trở lực không nhỏ đối với cách mạng. Tại An toàn khu Định Hóa - Căn cứ địa Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh, với bút danh X.Y.Z, đã viết và hoàn thành tác phẩm “*Sửa đổi lời làm việc*” vào tháng 10 năm 1947, làm tài liệu cho tổ chức đảng các cấp và các cán bộ, đảng viên học tập, rèn luyện, tu dưỡng. Tác phẩm đề cập đến việc đổi mới công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trên các mặt: Chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức..., nhằm sửa chữa các khuyết điểm, phát huy những ưu điểm. Trong đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh một lần nữa đánh giá cao vai trò của lý luận. Người khẳng định: “*Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi*”². Người định nghĩa rất xúc tích và dễ hiểu về lý luận: “*Lý luận là đem thực tế trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem*

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 289

² Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.273, 274

xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính”³. Đồng thời người cũng chỉ ra căn bệnh “kém lý luận, hoặc khinh lý luận, hoặc lý luận suông” - nguyên nhân gây ra căn bệnh chủ quan, tức là khuyết điểm về tư tưởng. Người cho rằng: “Vì kém lý luận, cho nên gặp mọi việc không biết xem xét cho rõ, cân nhắc cho đúng, xử trí cho khéo. Không biết nhận rõ điều kiện hoàn cảnh khách quan, ý mình nghĩ thế nào làm thế ấy. Kết quả thường thất bại. ...Có những cán bộ, những đảng viên cũ, làm được việc, có kinh nghiệm. Cố nhiên, những anh em đó rất quý báu cho Đảng. Nhưng họ lại mắc phải cái bệnh *khinh lý luận*. Họ quên rằng: nếu họ đã có kinh nghiệm mà lại biết thêm lý luận thì công việc tốt hơn nhiều. Họ quên rằng: kinh nghiệm của họ tuy tốt, nhưng cũng chẳng qua là từng bộ phận mà thôi, chỉ thiên về một mặt mà thôi. Có kinh nghiệm mà không có lý luận, cũng như một mắt sáng, một mắt mờ. Lý luận cốt để áp dụng vào công việc thực tế. Lý luận mà không áp dụng vào thực tế là *lý luận suông*. Dù xem được hàng ngàn hàng vạn quyển lý luận, nếu không biết đem ra thực hành, thì khác nào một cái hòm đựng sách”⁴. Vì vậy, Người yêu cầu: “mỗi cán bộ, mỗi đảng viên phải *học lý luận*, phải đem lý luận *áp dụng vào công việc thực tế*. Phải chữa cái bệnh kém lý luận, khinh lý luận và lý luận suông”⁵

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, học tập lý luận là công việc rất quan trọng đối với mỗi cán bộ, đảng viên, nhằm nâng cao phẩm chất, năng lực giải quyết công việc thực tế. Học lý luận cốt là để áp dụng vào thực tế, đòi hỏi mỗi người phải vận dụng sáng tạo lý luận vào thực tế công việc, mục đích cuối cùng là nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc của mình. Người chỉ rõ: “*Lý luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn, hoặc bắn lung tung, cũng như không có tên*”.⁶ Mặt khác, Người căn dặn: “*Thực hành phải nhằm theo lý luận*”⁷, tức là mỗi cán bộ, đảng viên khi tiến hành công việc phải trên cơ sở thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn căn cứ vào chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tránh bị chệch hướng, hoặc chủ quan, duy ý chí.

Thực tế cho thấy, nhiều đồng chí đề cao kinh nghiệm bản thân, cho rằng học tập lý luận chính trị không có tác dụng gì với bản thân trong công việc chuyên môn, dẫn đến khi tham gia học lý luận chính trị chỉ học cho có lệ, hình thức, theo kiểu đối phó, khi đi học thì không tập trung, thường xuyên làm việc riêng, về nhà không nghiên cứu, đọc thêm, không có sự trăn trở và sáng tạo trong quá trình học tập; bài

³ Hồ Chí Minh: Sđd, t.5, tr.274

⁴ Hồ Chí Minh: Sđd, t.5, tr.274

⁵ Hồ Chí Minh: Sđd, t.5, tr.275

⁶ Hồ Chí Minh: Sđd, t.5, tr.275

⁷ Hồ Chí Minh: Sđd, t.5, tr.275

thi, bài thu hoạch thì chủ yếu là sao chép, liên hệ thực tiễn sơ sài, qua loa... Chính là biểu hiện của bệnh coi thường lý luận mà trong tác phẩm “*Sửa đổi lối làm việc*”, Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng thuật ngữ “*khinh lý luận*”. Một số cán bộ, đảng viên mặc dù có đủ bằng cấp, chứng chỉ về lý luận chính trị, thuộc nhiều sách, nhiều văn bản nhưng chất lượng, hiệu quả giải quyết công việc không cao, tức là biểu hiện của căn bệnh “lý luận xương”. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng nghị quyết của Đảng dù rất đúng đắn, nhưng chậm được triển khai, cụ thể hóa và trở thành hiện thực. Thậm chí có những trường hợp, cán bộ, đảng viên hiểu sai, làm trái với đường lối, nghị quyết của Đảng, gây ra sự bất bình, lo lắng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, hoặc do không nắm chắc những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, không hiểu sâu chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, nên cán bộ, đảng viên không thể tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân thực hiện, không thể phản bác lại các luận điệu xuyên tạc, vu khống của các thế lực thù địch, đây chính là biểu hiện của căn bệnh “*kém lý luận*” mà Bác đã chỉ ra.

Biểu hiện của căn bệnh kém lý luận, hoặc khinh lý luận, hoặc lý luận xương trong tác phẩm “*Sửa đổi lối làm việc*” mà Bác đã chỉ ra từ năm 1947 vẫn đang diễn ra trong nhiều năm qua, không ít cán bộ, đảng viên nhận thức không đầy đủ về sự cần thiết phải nghiên cứu, học tập lý luận chính trị. Chính vì vậy, Nghị quyết số 04-NQ/TW, Hội nghị Trung ương lần thứ tư, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ đã chỉ ra 9 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên, trong đó có chỉ rõ biểu hiện thứ ba là: “nhận thức sai lệch về ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận và học tập lý luận chính trị; lười học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”⁸

Vận dụng tư tưởng của chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục lý luận chính trị, học tập lý luận “*cốt để áp dụng vào công việc thực tế*” và “*Thực hành phải nhằm theo lý luận*”, điều trước tiên, mỗi cán bộ, đảng viên, học viên cần nhận thức rõ về tầm quan trọng của việc học lý luận chính trị. Mỗi người học cần phải xác định cho mình mục đích học tập đúng đắn, từ đó xây dựng động cơ học tập và phương pháp học tập phù hợp, có thái độ học tập nghiêm túc, cầu thị; phát huy tính sáng tạo, chủ động trong học tập; tích cực mang kiến thức lý luận vận dụng vào thực tiễn đồng thời từ kinh nghiệm thực tiễn kiểm nghiệm lại lý luận ngay trong lúc học tập; xác định học để phục vụ cho công tác, giúp nâng lực giải

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2016, tr.28

quyết công việc được tốt hơn; để vận dụng tinh thần, phương pháp cách mạng, khoa học, biện chứng vào thực tiễn giúp thực hiện công việc đạt hiệu quả hơn.

Đối với giảng viên, tự giác nghiên cứu, học tập, rèn luyện nâng cao chất lượng giảng dạy, đổi mới phương pháp giảng dạy để truyền đạt có hiệu quả hơn đến người học, thu hút người học, tạo ra nhiều hứng thú cho cả người dạy và người học, thúc đẩy tinh thần tự giác học tập của học viên. Trong quá trình soạn giảng cần phân bổ thời gian hợp lý giữa phần lý luận và vận dụng thực tiễn, tăng thời lượng giảng dạy các kỹ năng thực hành. Để làm tốt việc đó, phải thường xuyên thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu thực tế có hiệu quả, trao đổi hai chiều giữa giảng viên với cán bộ nơi nghiên cứu thực tế để hiểu rõ mức độ phù hợp giữa lý luận và thực tiễn, có sự điều chỉnh bài giảng cho phù hợp. Đồng thời phải nỗ lực học tập, tích lũy kinh nghiệm thực tiễn và kinh nghiệm giảng dạy, phải đảm bảo khi đưa các yếu tố thực tiễn vào bài giảng phải có tính điển hình, tính thời sự, tính chính xác, có địa chỉ rõ ràng và phù hợp nội dung lý luận đang cần được phân tích chứng minh.

Có thể khẳng định rằng, ¾ thế kỷ đã trôi qua kể từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tác phẩm “*Sửa đổi lối làm việc*”, song nội dung tác phẩm vẫn đang mang hơi thở của thời đại. Những chỉ dẫn vô cùng quý báu của Người về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng nói chung, về lý luận, vai trò của lý luận và những căn bệnh cần phải khắc phục trong học tập, nghiên cứu lý luận nói riêng vẫn vẹn nguyên giá trị. Mỗi cán bộ, đảng viên chúng ta phải nỗ lực cố gắng, không ngừng học tập lý luận nhằm nâng cao phẩm chất, năng lực, chất lượng công tác, góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

**ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TỈNH THÁI NGUYÊN TÍCH CỰC HỌC TẬP VÀ LÀM THEO
PHONG CÁCH LÀM VIỆC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH**

ThS. Vũ Mạnh Hà

Trưởng khoa Lý luận cơ sở

Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và nhân dân ta. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một chủ trương lớn, liên tục, lâu dài của Đảng ta. Nội dung tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh rất phong phú, thể hiện trong toàn bộ di sản và cuộc đời hoạt động của Người, có mối quan hệ thống nhất, biện chứng tạo nên nhân cách vĩ đại Hồ Chí Minh.

Nhắc đến phong cách Hồ Chí Minh là nhắc đến những đặc trưng giá trị, mang đậm dấu ấn Hồ Chí Minh, gắn liền với tư tưởng, đạo đức của Người; thể hiện một nhân cách lớn, trí tuệ, đạo đức, trong sáng, nhân văn. Đó là phong cách của một vĩ nhân, một chiến sĩ cộng sản lỗi lạc, một nhà văn hóa lớn. Phong cách Hồ Chí Minh được thể hiện trong mọi lĩnh vực sống và hoạt động của Người, tạo thành một chỉnh thể nhất quán, có giá trị khoa học, đạo đức và thẩm mỹ. Phong cách Hồ Chí Minh bao gồm: phong cách tư duy, phong cách làm việc, phong cách diễn đạt, phong cách ứng xử và phong cách sinh hoạt đời thường của Người.

Phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một bộ phận quan trọng trong di sản vô giá mà Người đã để lại cho Đảng, dân tộc ta. Phong cách làm việc của Người không chỉ là bài học, là chuẩn mực trong xây dựng phong cách làm việc của người cán bộ cách mạng nói chung, mà còn có giá trị to lớn trong bồi dưỡng, rèn luyện phong cách làm việc của cán bộ, đảng viên hiện nay.

Phong cách làm việc Hồ Chí Minh là những nề nếp có tính hệ thống, ổn định tạo thành đặc trưng riêng trong làm việc gắn với hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng của Người, nhằm hiện thực hóa mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đó là tổng hợp những cách thức, nguyên tắc, phương pháp làm việc, được thể hiện sinh động, sâu sắc, xuyên suốt ở cả tư tưởng và thực tiễn hoạt động cách mạng của Người. Phong cách làm việc Hồ Chí Minh có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn, phản ánh trên một số đặc trưng cơ bản sau:

Một là, phong cách làm việc khoa học. Hồ Chí Minh yêu cầu làm việc gì cũng phải điều tra, nghiên cứu, thu thập thông tin, số liệu, để nắm chắc thực chất tình hình, từ đó đề ra chủ trương và lãnh đạo tổ chức thực hiện. Người nói: “Đảng có hiểu rõ tình hình, thì đặt chính sách mới đúng”.

Hai là, phong cách làm việc có kế hoạch. Hồ Chí Minh đòi hỏi làm việc gì cũng phải có chương trình, kế hoạch, từ lớn đến nhỏ, từ dài hạn, trung hạn đến ngắn hạn, từ tháng, tuần đến ngày, giờ nào việc nấy. Trong việc đặt kế hoạch Người nhắc nhở: “không nên tham lam, phải thiết thực, vừa sức, từ thấp đến cao”.

Ba là, phong cách làm việc đúng giờ. Hồ Chí Minh quý thời gian của mình bao nhiêu thì cũng quý thời gian của người khác bấy nhiêu. Người thường không để ai phải đợi mình, chủ động đến trước nếu có thể.

Bốn là, phong cách đổi mới, sáng tạo, không chấp nhận lối cũ, đường mòn. Người nói: “Tư tưởng bảo thủ như là sợi dây cột chân, cột tay người ta... Muốn tiến bộ thì phải có tinh thần mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm”.

Quán triệt sâu sắc các chỉ thị của Đảng, những năm qua, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã trở thành việc làm tự giác, thường xuyên, là tình cảm, trách nhiệm của cán bộ, giảng viên trong Nhà trường đối với Bác Hồ kính yêu. Để tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nói chung và học tập, rèn luyện, xây dựng phong cách làm việc của cán bộ, giảng viên Nhà trường theo phong cách làm việc Hồ Chí Minh, cần phải thực hiện tốt một số nội dung sau:

Một là, tăng cường giáo dục cho cán bộ, giảng viên nhận rõ sự cần thiết và ý nghĩa to lớn của việc rèn luyện phong cách làm việc Hồ Chí Minh đối với việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo của Nhà trường; giáo dục cho cán bộ, giảng viên nắm vững các nội dung, yêu cầu về phong cách Hồ Chí Minh nhất là những đặc trưng cơ bản trong phong cách làm việc của Người và cách thức, phương pháp tu dưỡng, rèn luyện bản thân theo các yêu cầu, nội dung, đặc trưng phong cách đó. Làm cơ sở cho việc xác định chương trình, kế hoạch tu dưỡng, rèn luyện bản thân đạt chất lượng, hiệu quả cao nhất trong mỗi bài giảng, bài viết của mình.

Hai là, đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp rèn luyện để hình thành các đặc trưng phong cách làm việc của bản thân mỗi cán bộ, giảng viên theo phong cách làm việc Hồ Chí Minh.

Tập trung bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, giảng viên có phong cách quần chúng, gần gũi đồng nghiệp và các đối tượng học viên, thông qua đó tăng cường sự giao lưu, học tập trao đổi kinh nghiệm, tiếp thu ý kiến phản hồi từ người học. Rèn luyện cho đội ngũ giảng viên tinh thần sâu sát, tỉ mỉ trong công việc, gần gũi đồng nghiệp và học viên từng bước rèn luyện, điều chỉnh tác phong, phương pháp làm việc, chống lối làm việc tùy tiện, chủ quan. Đội ngũ giảng viên luôn bám sát nhiệm vụ và đối tượng giảng dạy để xây dựng kế hoạch sát, đúng, có

quyết tâm thực hiện thắng lợi kế hoạch đã đề ra. Yêu cầu mọi cán bộ, giảng viên luôn gắn bó với tập thể, tôn trọng tập thể, đặt mình trong tập thể, lắng nghe ý kiến của tập thể. Giảng viên phải lắng nghe ý kiến của học viên, của đồng nghiệp để từng bước điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy của bản thân. Dân chủ, bàn bạc tập thể cùng thông suốt, nhất trí và cùng quyết tâm thực hiện, tránh tình trạng “trông đánh xuôi, kèn thổi ngược”, tạo ra sự đồng thuận, thống nhất cao giữa người dạy và người học.

Ba là, mỗi cán bộ, giảng viên phải xác định mục đích rõ ràng; kế hoạch đặt ra phải tỉ mỉ, chu đáo, thiết thực, nhìn xa, thấy rộng; nói đi đôi với làm. Phải làm cho mỗi người thấm nhuần tinh thần làm chủ tập thể, ý thức cần kiệm xây dựng cơ quan, đơn vị. Quá trình bồi dưỡng, rèn luyện phong cách làm việc Hồ Chí Minh là quá trình tác động qua lại giữa chủ thể và đối tượng; là sự kết hợp chặt chẽ giữa bồi dưỡng, rèn luyện và tự bồi dưỡng, tự rèn luyện trong đó tự bồi dưỡng, rèn luyện có vai trò quyết định đến việc hoàn thiện phong cách làm việc Hồ Chí Minh của bản thân. Mỗi cán bộ, giảng viên đã xác định rõ, tự hoàn thiện nhân cách, hoàn thiện phong cách làm việc Hồ Chí Minh, coi đây là việc làm suốt đời. Trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, giảng viên phải nghiêm túc soạn giảng và bảo đảm thời gian, giờ giấc lên lớp; thể hiện trí tuệ, bản lĩnh trách nhiệm cá nhân và hiệu quả trong công việc.

Bốn là, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong rèn luyện phong cách làm việc Hồ Chí Minh của cán bộ, giảng viên ở Nhà trường. Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường là yếu tố quan trọng, tạo sự thống nhất cao trong tổ chức thực hiện kế hoạch, nội dung bồi dưỡng phong cách làm việc Hồ Chí Minh của cán bộ, giảng viên.

Năm là, chủ động làm tốt công tác kiểm tra, tổng kết, rút kinh nghiệm thường xuyên; chỉ đạo, điều hành việc phối hợp chặt chẽ giữa công tác rèn luyện của các khoa, phòng với tự rèn luyện của giảng viên và cán bộ quản lý. Bên cạnh đó, lãnh đạo các khoa, phòng thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả quá trình xây dựng phong cách làm việc của từng cán bộ, giảng viên để có chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp, đạt kết quả cao.

Sáu là, nêu cao tính tích cực, tự giác trong rèn luyện phong cách làm việc Hồ Chí Minh của cán bộ, giảng viên. Mỗi cán bộ, giảng viên cần thực hiện nghiêm túc việc tự đào tạo của bản thân. Trên cơ sở những kiến thức, kỹ năng cơ bản được cung cấp bởi các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, giảng viên cần biết phát huy “nguồn vốn” đó, thực hiện tự học, tự bồi dưỡng, rèn luyện về kiến thức, kỹ năng, phong cách...coi việc tự học là một nhu cầu tự nhiên. Bên cạnh đó, cần nâng cao chất lượng các đề tài khoa học, hội thảo, bài viết để phục vụ việc nghiên cứu, giảng dạy lý luận, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường.

Học tập phong cách làm việc Hồ Chí Minh có ý nghĩa rất quan trọng đối với cán bộ, đảng viên trong giai đoạn hiện nay, nhất là trong khi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đang đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Vì vậy, những sáng tạo trong cách nghĩ, cách làm ở mỗi cán bộ, giảng viên sẽ tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ, góp phần xây dựng phong cách làm việc cho đội ngũ cán bộ, giảng viên của Nhà trường đáp ứng mục tiêu xây dựng Trường Chính trị chuẩn trong thời gian tới.

TÍNH KHOA HỌC VÀ CÁCH MẠNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN LÀ SỰ THỐNG NHẤT BIỆN CHỨNG

ThS. Nguyễn Thị Thúy Hằng

Khoa Lý luận cơ sở

Là Người sáng lập và lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”⁽¹⁾.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng. đó là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta vào điều kiện cụ thể Việt Nam. Vì vậy, nghiên cứu bản chất cách mạng và khoa học, giá trị, khẳng định sức sống của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời đấu tranh phê phán các quan điểm xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ của mỗi cán bộ, đảng viên.

Chủ nghĩa Mác do C.Mác và Ph.Ăngghen sáng lập vào những năm 40 của thế kỷ XIX. C.Mác là một trong những nhà tư tưởng vĩ đại nhất của nhân loại, là lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới, ông đã để lại cho loài người một di sản đồ sộ không chỉ có ý nghĩa lịch sử mà còn có ý nghĩa to lớn cho đến ngày nay - đó là chủ nghĩa Mác.

Chủ nghĩa Mác ra đời là kết quả của sự kế thừa có chọn lọc, tiếp thu có phê phán toàn bộ những tinh hoa trong lịch sử tư tưởng của nhân loại từ cổ đại đến thời đại của C.Mác và Ph.Ăngghen, nhưng trực tiếp nhất là triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị cổ điển Anh, chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp. Đồng thời sự ra đời của chủ nghĩa Mác còn là kết quả của các yếu tố chủ quan của chính C.Mác và Ph.Ăngghen, như: tình yêu thương những người lao động, tình thân hy sinh không mệt mỏi vì sự nghiệp giải phóng họ, niềm tin sâu sắc vào lý tưởng cách mạng của giai cấp công nhân,...

Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa Mác được V.I.Lênin bổ sung, phát triển trong điều kiện chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, khoa học về thế giới vi mô phát triển và chủ nghĩa xã hội hiện thực được xây dựng ở nước Nga Xô viết, mở ra giai đoạn phát triển mới của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết khoa học và cách mạng, bởi nó phản ánh đúng quy luật khách quan vận động của lịch sử và đấu tranh xóa bỏ mọi hình thức nô dịch người, xây dựng một xã hội mà ở đó không còn người bóc lột người, người đàn áp người, người nô dịch người và sự tự do của mỗi người là điều kiện cho sự tự do của tất cả mọi người.

Sự phát triển sáng tạo học thuyết Mác của V.I. Lênin đã làm cho chủ nghĩa cộng sản khoa học trở thành hệ thống lý luận thống nhất của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Giai đoạn phát triển mới của chủ nghĩa Mác đã gắn liền với tên tuổi của V.I. Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học, hệ tư tưởng của giai cấp công nhân được gọi là chủ nghĩa Mác - Lênin.

Trong chủ nghĩa Mác - Lênin, tính khoa học và tính cách mạng không tách rời nhau. Tính khoa học đã bao hàm trong nó tính cách mạng; bởi lẽ tính khoa học đòi hỏi phải chỉ ra được quy luật vận động, phát triển khách quan của lịch sử. Tính khoa học triệt để còn đòi hỏi phải đấu tranh chống lại mọi lạc hậu, phản động, bảo thủ, chống lại áp bức, bất công, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Đồng thời, tính cách mạng trong chủ nghĩa Mác đã bao hàm trong nó tính khoa học; bởi lẽ để chống lại xã hội cũ, xây dựng xã hội mới thì phải tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan, tức phải dựa vào khoa học.

Bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, luôn thống nhất với nhau, **được biểu hiện như sau:**

***Thứ nhất,** Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết khoa học gồm ba bộ phận thống nhất hữu cơ không thể tách rời nhau, có mối quan hệ mật thiết với nhau đó là: triết học Mác- Lênin, kinh tế học chính trị Mác- Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học.*

Triết học Mác - Lênin là khoa học nghiên cứu về những quy luật phổ biến chung nhất của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy con người; trang bị cho con người thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp biện chứng duy vật đúng đắn để nhận thức và cải tạo thế giới.

Trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận triết học, kinh tế học chính trị Mác- Lênin nghiên cứu những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là những quy luật kinh tế của quá trình ra đời, phát triển, suy tàn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và sự ra đời, phát triển của phương thức sản xuất mới, phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa.

Kinh tế chính trị học Mác - Lênin nghiên cứu quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất (tức là nghiên cứu quan hệ sản xuất) và trong trao đổi, tiêu dùng; nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa với quy luật giá trị thặng dư, chỉ rõ bản chất, những quy luật kinh tế chủ yếu của sự hình thành, phát triển và đưa phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tới chỗ diệt vong; chỉ ra những quy luật phát triển của quan hệ sản xuất mới, con đường xây dựng một xã hội không có áp bức bất công, vì tự do, ấm no, hạnh phúc cho mọi người - xã hội cộng sản chủ nghĩa, giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã hội khoa học là kết quả tất nhiên của sự vận dụng thế giới quan, phương pháp luận triết học và kinh tế học chính trị Mác - Lênin vào việc nghiên cứu làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã

hội chủ nghĩa, bước chuyển biến lịch sử từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và tiến tới chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những quy luật chuyển biến xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội xã hội chủ nghĩa và phương hướng xây dựng xã hội mới; chứng minh rằng, chủ nghĩa tư bản càng phát triển càng tạo ra những tiền đề vật chất đầy đủ cho sự ra đời xã hội mới - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Lực lượng xã hội thực hiện sự chuyển biến đó chính là giai cấp vô sản và nhân dân lao động; chỉ ra sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân là lật đổ chủ nghĩa tư bản xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa - không còn người áp bức người, không còn người nô dịch người; nghiên cứu những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa như vấn đề tôn giáo và chính sách tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội...

Ba bộ phận lý luận cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin có đối tượng nghiên cứu cụ thể khác nhau nhưng đều nằm trong một hệ thống lý luận khoa học thống nhất, đó là khoa học về sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động khỏi chế độ áp bức, bóc lột và tiến tới giải phóng con người.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống lý luận khoa học là còn bởi lẽ, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin đã kế thừa toàn bộ tinh hoa trong lịch sử tư duy của nhân loại. Chủ nghĩa Mác - Lênin còn có căn cứ cơ sở, tiền đề khoa học; có giai cấp vô sản và thực tiễn đấu tranh cách mạng của giai cấp này và các phương pháp khoa học, khách quan trong nhận thức tự nhiên, xã hội và tư duy của con người.

Thứ hai, Chủ nghĩa Mác - Lênin là sự thống nhất hữu cơ giữa thế giới quan khoa học và phương pháp luận mácxít.

Bản chất khoa học của chủ nghĩa Mác, triết học Mác không chỉ thể hiện ở hệ thống quy luật chung nhất của thế giới mà nó phản ánh, mà còn thể hiện ở chức năng thế giới quan và phương pháp luận khoa học trong mọi hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người. Chủ nghĩa Mác-Lênin đã đem lại cho khoa học hiện đại một phương pháp luận đúng đắn trong việc xem xét, lý giải bản thân sự phát triển của nó. Đó là chức năng luận chứng và giải thích khoa học, chức năng tổng hợp tri thức, định hướng và tiên đoán khoa học.

Là một học thuyết khoa học lý luận - đỉnh cao của trí tuệ loài người, Chủ nghĩa Mác-Lênin đã đem lại cơ sở khoa học đúng đắn cho việc luận chứng và giải thích những hiện tượng của đời sống xã hội và quá trình lịch sử, nhất là cho việc cải tạo thế giới hiện thực. Bởi thế, bản chất khoa học thống nhất về cơ bản với bản chất cách mạng trong chủ nghĩa Mác, là thế giới quan khoa học của giai cấp công nhân - giai cấp tiên bộ và cách mạng nhất, giữ vai trò trung tâm của thời đại, chủ nghĩa Mác đã trở thành vũ khí lý luận của giai cấp công nhân trong

cuộc đấu tranh cách mạng nhằm giải phóng mình, đồng thời giải phóng toàn thể nhân loại. Nói một cách khái quát, học thuyết Mác, triết học Mác đã trang bị cho chúng ta hệ thống quan điểm khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể, phát triển và thực tiễn trong mọi hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn nhằm cải biến thế giới hiện thực.

Thứ ba, sự thống nhất giữa tính khoa học và tính cách mạng của chủ nghĩa Mác đã tạo nên nét đặc sắc nhất trong bản chất của chủ nghĩa Mác làm cho nó khác với các học thuyết khác - đó là tính khoa học và tính cách mạng quyện chặt lẫn nhau, tính khoa học càng sâu thì tính cách mạng càng cao và ngược lại.

Chủ nghĩa Mác là khoa học để làm cách mạng, để đấu tranh giải phóng nhân loại thoát khỏi mọi áp bức, bóc lột, bất công. Chủ nghĩa Mác đã khám phá ra những quy luật khách quan, phổ biến của sự phát triển xã hội loài người, từ đó làm cơ sở khoa học cho các Đảng Cộng sản và giai cấp công nhân ở các nước xây dựng đường lối cách mạng của mình. Khoa học đối với chủ nghĩa Mác là vũ khí đấu tranh cải tạo thế giới, là vũ khí tư tưởng - lý luận để làm cách mạng, nó có trách nhiệm giải đáp kịp thời và chính xác những vấn đề cấp bách có ý nghĩa thời đại mà tư tưởng tiên tiến của nhân loại đặt ra.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là khoa học để làm cách mạng, có sự thống nhất hữu cơ giữa khoa học và cách mạng, cách mạng và khoa học. Nhờ đó, học thuyết Mác đã vượt lên trên hẳn các học thuyết đương thời, mang sức mạnh to lớn, trở thành công cụ vĩ đại không chỉ giải thích thế giới mà chủ yếu là cải tạo thế giới. Chủ nghĩa Mác-Lênin đã trở thành kim chỉ nam, ngọn cờ dẫn dắt giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới trong cuộc đấu tranh vì CNXH từ khi ra đời cho đến ngày nay.

Thứ tư, Chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết mở, không ngừng được đổi mới, được phát triển trong dòng trí tuệ của nhân loại.

Về bản chất, chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết phát triển, là hệ thống mở, luôn được bổ sung, phát triển. Chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết mở, không cứng nhắc và giáo điều; đồng thời, có giá trị bền vững, xét trong tinh thần biện chứng, nhân đạo và hệ thống tư tưởng cốt lõi của nó.

C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin không bao giờ tự coi lý luận của các ông là “bất khả xâm phạm”, là hệ thống khép kín, là chân lý tuyệt đích cuối cùng. Trái lại, các ông luôn đòi hỏi những người cộng sản phải biết vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản sao cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, truyền thống văn hóa...của mỗi nước. Sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện, hoàn cảnh của cách mạng Việt Nam bởi Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như các Đảng cộng sản và phong trào công nhân quốc tế cũng cho thấy bản chất vốn có của chủ nghĩa Mác - Lênin là

sáng tạo và phát triển. Chính nhờ có sáng tạo mà chủ nghĩa Mác - Lênin được phát triển, chính phát triển lại là điều kiện cho những người mác-xít vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin.

Kiên định những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin là trung thành với bản chất khoa học và cách mạng của nó để không ngừng phát triển, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin ngày càng hoàn thiện và gắn liền với thực tiễn.

Với bản chất khoa học và cách mạng, ngày nay chủ nghĩa Mác - Lênin đã, đang tiếp tục được vận dụng, bổ sung và phát triển trong thực tiễn đấu tranh của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc trên thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Trong thời đại ngày nay, Chủ nghĩa Mác-Lênin với những luận điểm, quan điểm và tư tưởng cơ bản thực sự khoa học và cách mạng vẫn giữ nguyên giá trị, vẫn là lý tưởng cao đẹp nhất của loài người, là cách thức thay đổi và cải tạo thế giới vì mục tiêu giải phóng con người, giải phóng xã hội.

Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định vai trò là “cẩm nang thần kỳ”, “kim chỉ nam” cho cách mạng Việt Nam của chủ nghĩa Mác - Lênin và căn dặn: Đảng phải luôn trung thành và vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, nâng cao bản lĩnh, trí tuệ của Đảng. Theo Người: “Đảng ta nhờ kết hợp được chủ nghĩa Mác - Lênin với tình hình thực tế của nước ta, cho nên đã thu được nhiều thắng lợi trong công tác”⁽²⁾ và “chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta”⁽³⁾. Đồng thời, yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thường xuyên ra sức nghiên cứu, học tập, tu dưỡng nâng cao trình độ lý luận và vận dụng sáng tạo lập trường, quan điểm, phương pháp, nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tế công tác, theo tinh thần: “Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta”⁽⁴⁾.

Trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đất nước, Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ nhân loại, nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại, thực tiễn đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối đổi mới đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

Những thành tựu của cách mạng Việt Nam trong gần một thế kỷ qua, nhất là những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử sau gần 35 năm đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, đều bắt nguồn từ sự trung thành, vận dụng sáng tạo, không ngừng phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn đất nước trong từng giai đoạn cách mạng. Điều đó khẳng định tầm vóc, ý nghĩa, giá trị to lớn, sức sống mãnh liệt và giá trị trường tồn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

(1) Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 4, tr 289.

(2) Hồ Chí Minh toàn tập, *Tập 11*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.97.

(3) Hồ Chí Minh toàn tập, *Tập 11*, Sđd, tr.92.

(4) Hồ Chí Minh toàn tập, *Tập 11*, Sđd, tr.611.

ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI, GIẢM NGHÈO NHANH, BỀN VỮNG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI Ở TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS. Ngô Thị Hồng Nhung
Trưởng phòng TC,HC,TT, TL

Bảo đảm ngày càng tốt hơn an sinh xã hội (ASXH) luôn là chủ trương, nhiệm vụ lớn của Đảng và Nhà nước, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ ta và có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự ổn định chính trị – xã hội (CT-XH) và phát triển bền vững của đất nước.

Trong lịch sử phát triển đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, các chính sách đối với vùng đồng bào DTTS&MN luôn được Nhà nước ta hết sức quan tâm, nhất là các chính sách, chương trình ASXH, lao động việc làm, đã tạo những chuyển biến tích cực cho vùng đồng bào DTTS và miền núi. Trong những năm gần đây, tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS&MN trung bình mỗi năm giảm 3 – 4%, nhanh hơn tỷ lệ giảm nghèo chung của cả nước, là một nỗ lực rất lớn của Đảng và Nhà nước

Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội là một thành công lớn của nhiệm kỳ Đại hội Đảng 2015-2020, nhất là trong bối cảnh thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp. Công tác an sinh xã hội luôn được Đảng ta coi là mục tiêu và động lực của sự phát triển đất nước. Chăm lo phúc lợi cho người dân là một chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta được thể hiện sinh động trong nhiều lĩnh vực, như: chăm sóc sức khỏe, giáo dục, bảo hiểm, việc làm, giảm nghèo...

Thái Nguyên là tỉnh thuộc vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, có 09 đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó có 04 huyện miền núi, 01 huyện vùng cao. Đây là nơi hội tụ, giao lưu, sinh sống lâu đời của 51 dân tộc anh em, trong đó trên 384.000 người dân tộc thiểu số, chiếm gần 30% dân số toàn tỉnh.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có nhiều đổi mới, các chương trình, chính sách của Trung ương được lồng ghép với các chương trình, chính sách của địa phương có trọng tâm, trọng điểm. Trong 05 năm qua, thông qua các Chương trình 135, Chương trình 30a, Chương trình xây dựng nông thôn mới kết hợp tiền tài trợ của các cá nhân và sự chung tay của các tổ chức, doanh nghiệp, tỉnh Thái Nguyên đã huy động được trên 6.000 tỷ đồng để đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Nhờ các nguồn lực này, hàng trăm công trình bao gồm: giao thông, trường học, thủy lợi, điện, trạm y tế, nhà văn hóa, nước sinh hoạt... dành cho đồng bào dân tộc thiểu số được đầu tư xây dựng mới.

Một trong những chương trình mang lại dấu ấn tích cực trong thực hiện chính sách dân tộc ở Thái Nguyên phải kể đến “Chương trình phát triển kinh tế -

xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi” (còn gọi là Chương trình 135). Sau hơn 20 năm đồng hành với đồng bào dân tộc thiểu số, Chương trình 135 đã mang đến sự đổi thay tích cực cho các xã, xóm đặc biệt khó khăn của tỉnh. Chương trình có ảnh hưởng không những đến phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống đồng bào ở các vùng đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa mà còn góp phần giữ vững an ninh, quốc phòng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kết quả, số vốn thực hiện từ năm 2013 - 2020 là trên 783 tỷ đồng để hỗ trợ phát triển sản xuất, tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật; đầu tư xây dựng trên 800 công trình giao thông, thủy lợi, điện, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, nước sinh hoạt...

Đối với hỗ trợ giảm nghèo về thông tin và truyền thông, tỉnh đã triển khai hỗ trợ thiết bị thu truyền hình số theo Quyết định số 2451 của Thủ tướng Chính phủ, đã lắp đặt đầu thu kỹ thuật số cho trên 53.000 hộ nghèo, cận nghèo, đạt 100% kế hoạch. Cùng với đó, để hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo, giám sát đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, đã tổ chức 33 lớp tập huấn, bồi dưỡng về công tác giảm nghèo cho trên 55.000 lượt người.

Công tác cấp phát thẻ bảo hiểm y tế, khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân tộc thiểu số đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần nâng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế của tỉnh đạt trên 98%. Người nghèo, người dân tộc thiểu số mắc bệnh nặng hiểm nghèo được khám, chữa bệnh theo Quyết định số 4163 của UBND tỉnh.

Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã được ban hành, trong đó đầu tư cơ sở vật chất trường lớp, chương trình mục tiêu giáo dục đào tạo; chương trình kiên cố hóa trường lớp học và xây dựng nhà công vụ giáo viên... Các chương trình, dự án đã tăng cường cơ sở vật chất, đảm bảo các điều kiện để thực hiện chất lượng giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số. Giai đoạn 2017 - 2020, chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho đồng bào dân tộc vùng sâu vùng xa với tổng vốn 181 tỷ đồng đang triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch; Dự án THCS vùng khó khăn nhất giai đoạn 2 với tổng mức 11,4 tỷ đồng... Tỉnh đã hỗ trợ trên 20 tỷ đồng cho học sinh trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116 của Chính phủ; hỗ trợ 15 tỷ đồng tiền ăn trưa cho trẻ mầm non; trên 21 tỷ đồng chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập...

Cùng với nhiều các chính sách dân tộc của Trung ương đang được triển khai, Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên cũng đã tham mưu để Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành các chính sách đặc thù, các dự án chuyên đề như: Chương

trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng An toàn khu, vùng dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017 - 2020; Đề án Phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất và đời sống các xóm, bản đặc biệt khó khăn có nhiều đồng bào dân tộc Mông sinh sống đến năm 2020 (gọi tắt là Đề án 2037); Chính sách hỗ trợ muối iốt, phòng chống biểu cổ, thiếu năng trí tuệ cho người dân vùng dân tộc và miền núi Thái Nguyên, giai đoạn 2017 - 2020; Dự án xóa các xóm bản thiếu điện, “trắng” điện lưới quốc gia; Dự án xóa phòng học tạm vùng đặc biệt khó khăn... Công tác động viên, thăm hỏi, đón tiếp tặng quà đồng bào, tôn vinh, biểu dương người dân tộc thiểu số tiêu biểu được quan tâm thực hiện. Các chính sách dân tộc trên được tổ chức thực hiện hiệu quả góp phần làm thay đổi tập quán canh tác, cải thiện đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên.

Với sự vào cuộc của các cấp ngành cùng nhiều giải pháp đồng bộ, trong giai đoạn 2016-2020, công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Thái Nguyên đã thu được nhiều kết quả tích cực. Đến nay, 12 xã ra khỏi diện đặc biệt khó khăn; huyện Võ Nhai đã đủ điều kiện ra khỏi diện hưởng chính sách như huyện nghèo; 74 xã trong tổng số 113 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới (cao gấp gần 03 lần bình quân chung của cả nước cho vùng này); 19/63 xã, 75/94 xóm đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135, Thái Nguyên là tỉnh đứng thứ nhất toàn quốc trong giai đoạn vừa qua.

GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

ThS. Đàm Thị Hạnh

Phó Trưởng khoa Xây dựng Đảng

Trong suốt hơn 90 năm qua, đặc biệt là sau hơn 35 năm đổi mới, Đảng, Nhà nước ta luôn nhất quán quan điểm phát triển kinh tế gắn với giảm nghèo bền vững và bảo đảm an sinh xã hội. Việt Nam là một trong những điểm sáng của thế giới về xóa đói, giảm nghèo.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, tỷ lệ hộ nghèo nước ta đã giảm từ 9,88% năm 2015 xuống còn dưới 3%, đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia đầu tiên về đích sớm trong thực hiện Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên hợp quốc về giảm nghèo⁽¹⁾. 100% số xã có đường ô-tô đến trung tâm, 80% số thôn có điện, trên 50% số xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia, 100% đồng bào dân tộc thiểu số và người nghèo có bảo hiểm y tế miễn phí. Tuy nhiên, mặc dù là điểm sáng của thế giới về giảm nghèo nhưng công cuộc xóa đói, giảm nghèo ở nước ta vẫn còn nhiều thách thức, như Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhận định: “Kết quả giảm nghèo đa chiều chưa thực sự bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao”⁽²⁾. Do đó, cần phải đánh giá những điểm chưa được trong công tác giảm nghèo, đặc biệt là công tác giảm nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, để trên cơ sở đó, có những giải pháp phù hợp, nhằm đạt mục tiêu trong giai đoạn 2021 - 2026, tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1 - 1,5%/năm⁽³⁾ như Văn kiện Đại hội XIII đã đề ra.

Trên cơ sở đánh giá các chương trình, chính sách giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2011 - 2020 theo 5 tiêu chí: 1- *Tính kịp thời* trong việc hoàn thiện, ban hành cơ chế, chính sách (văn bản pháp luật và văn bản hướng dẫn); 2- *Tính phù hợp* của cơ chế, chính sách, dự án đã ban hành trong triển khai thực hiện mục tiêu giảm nghèo về đối tượng thụ hưởng, đặc điểm vùng, miền (dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, an toàn khu, bãi ngang, thôn nghèo, xã nghèo, huyện nghèo, vùng kinh tế - sinh thái,...), phù hợp với nguồn lực và năng lực thực thi của các địa phương; 3- *Tính đồng bộ và hệ thống* của cơ chế, chính sách và giải pháp giảm nghèo; 4- *Tính đầy đủ* thể hiện ở mức độ bố trí nguồn lực, bảo đảm đầy đủ và kịp thời nguồn lực cho thực hiện các dự án, chính sách trong chương trình giảm nghèo; 5- *Tính hiệu lực và hiệu quả*; cho thấy những vấn đề sau:

Một là, kết quả giảm nghèo chưa bền vững, số hộ thoát nghèo chủ yếu chuyển sang hộ cận nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo giảm không đồng đều trong các vùng của cả nước. Tình trạng nghèo sâu, nghèo kinh niên tập trung vào đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực đặc biệt khó khăn, chủ yếu ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, trong đó “lỗi nghèo” tập trung nhiều ở khu vực các tỉnh

thuộc miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, nhất là khu vực miền núi Tây Bắc⁽⁴⁾. Đây là nhóm dân cư có tốc độ giảm nghèo chậm, luôn đứng trước nguy cơ tái nghèo. Thực trạng này kéo dài qua nhiều năm nhưng chưa được khắc phục triệt để.

Tỷ lệ hộ cận nghèo giảm chậm, từ năm 2015 đến năm 2019 chỉ giảm được 0,95%, trung bình 0,19%/năm. Thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, hộ nghèo dân tộc thiểu số chỉ tăng được 1,2 lần, từ 15,81 triệu đồng năm 2015 lên 19 triệu đồng năm 2019 (mục tiêu của Chương trình 135 tăng lên gấp 2 lần). Tỷ lệ xã đặc biệt khó khăn thoát khỏi tình trạng khó khăn chỉ đạt 5,66% (đạt 20% - 30% mục tiêu). Sự thiếu hụt trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, như nhà ở, y tế, nước sạch và vệ sinh còn lớn⁽⁵⁾.

Tỷ lệ hộ cận nghèo tham gia bảo hiểm y tế đạt mục tiêu, nhưng nguyên nhân chủ yếu do các địa phương (58/63 tỉnh, thành phố)⁽⁶⁾ sử dụng ngân sách địa phương trong việc huy động nguồn lực để hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng thuộc hộ cận nghèo. Cơ sở vật chất, nhân lực của các trạm y tế xã chưa đồng đều ở các vùng, miền, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, do đó chưa tạo được niềm tin của người dân vào chất lượng dịch vụ y tế tuyến cơ sở.

Hai là, chuẩn nghèo mới theo phương pháp tiếp cận đa chiều vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục: 1- Mức chuẩn nghèo về thu nhập chưa đáp ứng được yêu cầu bảo đảm mức sống tối thiểu như Nghị quyết số 76/2014/QH13, ngày 24-6-2014, của Quốc hội khóa XIII, “Đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020” đặt ra; 2- Một số chỉ số đo lường chưa phù hợp gây ảnh hưởng đến việc xác định hộ nghèo ở các địa phương⁽⁷⁾; 3- Chính phủ chưa công bố được kết quả tổng hợp toàn quốc về tình trạng thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản.

Ba là, nguồn lực dành cho công tác giảm nghèo dần trải trong nhiều chính sách, có chính sách khi bố trí được nguồn lực đầu tư đã vào năm cuối của giai đoạn thực hiện. Việc huy động các nguồn lực từ doanh nghiệp, người dân còn hạn chế. Các chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng, hỗ trợ thị trường phù hợp đặc điểm vùng, miền, nhằm thu hút các doanh nghiệp đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh tại địa bàn khó khăn, địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số chưa mang lại hiệu quả như kỳ vọng.

Bốn là, việc thực hiện chính sách hỗ trợ có điều kiện mới chỉ dừng ở chính sách tín dụng, các mô hình sản xuất (vốn đối ứng), hoặc cam kết thoát nghèo, chưa phát huy tính chủ động, sáng tạo của các bên liên quan để có thêm nhiều chính sách đa dạng và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội địa phương; chưa khuyến khích sự tích cực, chủ động tham gia của người nghèo.

Năm là, tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số học trung học phổ thông chưa cao (63,03%); mới hỗ trợ đào tạo được khoảng trên 1,1 triệu người (14%) trên tổng

số gần 8 triệu người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động. Giai đoạn 2016 - 2018 mới có trên 800 nghìn người dân tộc thiểu số, trong đó có 412 nghìn lao động nông thôn là người dân tộc thiểu số được đào tạo nghề. Hệ thống các trường phổ thông dân tộc bán trú chưa được quan tâm đầu tư đúng mức; nhiều địa phương không bố trí được việc làm cho người học cử tuyển sau khi tốt nghiệp. Công tác đào tạo cử tuyển chưa gắn với sử dụng lao động; việc giải quyết đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số chưa có nhiều chuyển biến tích cực; tình trạng di dân không theo quy hoạch ở một số địa phương chưa được giải quyết triệt để.

Sáu là, hệ thống chính sách về giảm nghèo vẫn phức tạp, nhiều tầng nấc, khó khăn cho việc áp dụng của cán bộ cơ sở và việc tiếp cận của người dân. Việc rà soát, tích hợp, sửa đổi, ban hành chính sách về giảm nghèo chưa đáp ứng yêu cầu, gây ảnh hưởng đến quá trình triển khai thời gian đầu của chương trình. Một số chính sách chưa phù hợp, như chính sách hỗ trợ nhà ở, chính sách đầu tư nguồn nhân lực cho người dân tộc thiểu số, chính sách cử tuyển,... chưa gắn với sử dụng sau đào tạo và chưa phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng vùng, hiệu quả chưa cao. Chưa có chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo giai đoạn 2016 - 2020.

Bảy là, công tác xác nhận, quản lý đối tượng hộ nghèo, cận nghèo còn hạn chế; còn có tình trạng đưa đối tượng không đủ điều kiện vào danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để trục lợi chính sách.

Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập là:

Thứ nhất, chuẩn nghèo chưa sát với thực tế nghèo là một trong những nguyên nhân cơ bản làm cho kết quả giảm nghèo chưa thật bền vững (đa số hộ thoát nghèo mới chỉ là thoát nghèo theo chuẩn thu nhập, mà chưa thoát khỏi tình trạng nghèo).

Thứ hai, mặt bằng dân trí, trình độ sản xuất hạn chế; kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông của miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo còn rất khó khăn, đòi hỏi phải có nguồn lực lớn để đầu tư trong khi ngân sách còn hạn chế. Tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh diễn ra thường xuyên và trên diện rộng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất và đời sống của người dân.

Thứ ba, nguồn lực thực hiện chính sách giảm nghèo phụ thuộc phần lớn vào nguồn vốn trung ương và bị phân tán, dàn trải; việc lồng ghép nguồn lực còn khó khăn do mỗi chương trình, dự án có các mục tiêu, cơ chế quản lý khác nhau. Ngân sách trung ương tuy bảo đảm nguồn lực đầu tư cho Chương trình Mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, song đối với 21 chương trình mục tiêu thực hiện theo Nghị quyết số 73/NQ-CP, ngày 26-8-2016, của Chính phủ “Phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu

giai đoạn 2016 - 2020” thì chỉ bố trí được 53,61% tổng số vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt.

Thứ tư, đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở thiếu ổn định; một bộ phận cán bộ, công chức còn thiếu kinh nghiệm, hạn chế trong nhận thức và thực hiện chính sách; chưa có cách tiếp cận hiệu quả với vấn đề mới nảy sinh.

Thứ năm, nhận thức, trách nhiệm và nỗ lực vì sự nghiệp giảm nghèo bền vững ở các ngành, các cấp còn chưa đồng đều; công tác phối hợp, thực hiện trách nhiệm của các ngành ở Trung ương và địa phương trong xây dựng và thực hiện các chính sách giảm nghèo có lúc còn chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ, dẫn đến kéo dài thời gian xử lý các vấn đề liên ngành.

Thứ sáu, vẫn còn một bộ phận người dân có tư tưởng trông chờ ỷ lại, chưa quyết tâm tự vươn lên thoát nghèo.

Một số giải pháp trong thời gian tới

Một trong những định hướng quan trọng để giảm nghèo bền vững đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được nhấn mạnh trong Nghị quyết số 76/2014/QH13 là: “Thúc đẩy việc kết nối phát triển kinh tế - xã hội giữa vùng khó khăn với vùng phát triển. Thực hiện chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng, hỗ trợ thị trường phù hợp đặc điểm vùng nhằm thu hút doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh và kết cấu hạ tầng, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động tại chỗ, nâng cao khả năng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường tại các địa bàn nghèo, địa bàn khó khăn, địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số”. Trên cơ sở định hướng đó, nhằm giảm nghèo bền vững ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cần tập trung triển khai một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao trùm và bền vững, bảo đảm quyền con người với 3 chức năng: Phòng ngừa - giảm thiểu - khắc phục rủi ro.

Hai là, giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết, bảo đảm ổn định cuộc sống, có việc làm, giải quyết vấn đề nước sản xuất và sinh hoạt cho người dân. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ nhà ở nhằm bảo đảm nhà ở cho người dân, đặc biệt là người di cư, người dân vùng chịu tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu. Đa dạng hóa các loại hình đầu tư, khuyến khích sự tham gia của người dân vào việc phát triển nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; chú trọng vùng sâu, vùng xa, vùng bị nhiễm mặn, vùng thường xuyên hạn hán và lũ lụt, khó khăn về nguồn nước.

Ba là, phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng, miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Bốn là, đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch, dịch vụ; chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; đầu tư cho phát triển đối với nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn.

Năm là, tăng cường quản lý nhà nước, truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tập trung một số nội dung sau:

1- Xây dựng và ban hành tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển, bảo đảm toàn diện, khách quan, khoa học, chính xác, làm cơ sở xác định đối tượng, địa bàn cần ưu tiên để tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm;

2- Tăng cường nghiên cứu khoa học và chuyên gia công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để phục vụ công tác dự báo, hoạch định, quản lý thực hiện chính sách dân tộc;

3- Huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, trong đó nguồn lực nhà nước giữ vai trò quan trọng, quyết định để huy động các nguồn lực khác. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc;

4- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, về thực hiện chính sách dân tộc, chống mọi biểu hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Dân tộc, coi đây là cơ quan đầu mối theo dõi, tổng hợp các chính sách dân tộc; đề xuất và tham gia thẩm định chính sách, các dự án đầu tư liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

5- Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số. Có chính sách đặc thù tuyển dụng công chức, viên chức đối với người dân tộc thiểu số, nhất là nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn. Chú trọng phát hiện, quy hoạch, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và thực hiện tốt chính sách sử dụng, đãi ngộ cán bộ là người dân tộc thiểu số;

6- Tăng cường xây dựng, củng cố hệ thống chính trị, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Kịp thời biểu dương, tôn vinh, động viên người tiêu biểu có uy tín, doanh nhân, nhà khoa học trong

cộng đồng các dân tộc thiểu số có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

7- Đổi mới và mở rộng chính sách tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội theo hướng tăng định mức, mở rộng đối tượng được vay đến các dự án sản xuất, kinh doanh tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ LIÊM CHÍNH VÀ XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC LIÊM CHÍNH TRONG PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Thị Hồng Mây

Trưởng phòng QLĐT và NCKH

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng xây dựng đạo đức cách mạng. Trong tác phẩm "Cần, kiệm, liêm, chính", Người đã coi "liêm", "chính" là hai trong bốn đức của mỗi con người. Đối với cán bộ, Bác yêu cầu: "những người trong công sở phải lấy chữ *liêm* làm đầu"⁹. Theo Người, *liêm* trước hết là *liêm khiết*, không tham ô, luôn tôn trọng, giữ gìn của công và tài sản của nhân dân. *Liêm* còn là *trong sạch, không tham lam*. Người nhấn mạnh: "Ngày xưa, dưới chế độ phong kiến, những người làm quan không đục khoét dân, thì gọi là *liêm*, chữ *liêm* ấy chỉ có nghĩa hẹp,... Ngày nay, nước ta là Dân chủ Cộng hoà, chữ *liêm* có nghĩa rộng hơn; là mọi người đều phải *liêm*"¹⁰.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh cán bộ, công chức không chỉ cần *liêm* mà còn phải *chính*. Người có đức *chính* là người chính trực, đúng mực, công tâm nên họ không chỉ hành động theo nguyên tắc: việc phải thì dù nhỏ cũng làm, việc trái thì dù nhỏ cũng tránh và còn kiên quyết bảo vệ lẽ phải và đấu tranh quyết liệt với cái xấu. "Những người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hành. Nếu không giữ đúng Cần, Kiệm, Liêm, Chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân"¹¹. Chủ tịch Hồ Chí Minh cảnh báo rõ: Những người làm việc trong các công sở, từ làng xã cho đến Trung ương, vì nắm trong tay quyền lực nhà nước nên "đều dễ tìm dịp phát tài, hoặc xoay tiền của Chính phủ, hoặc khoét đục nhân dân"¹², nên cán bộ càng cần phải thực hành *liêm, chính*.

Tháng 10/1947, khi viết tác phẩm "Sửa đổi lỗi làm việc", Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh rằng: Mỗi đảng viên, trước hết là mỗi cán bộ, phải thật thà tự phê bình, tự sửa chữa những khuyết điểm của mình. Đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết. Kiên quyết chống bệnh tự mãn tự túc, tự tư tự lợi, kiêu ngạo, ba hoa. Phải thực hành khẩu hiệu: "Chí công vô tư, cần, kiệm, liêm, chính".

Người yêu cầu tất cả mọi người đều phải rèn luyện đức "Liêm chính" như những phẩm chất tốt đẹp khác; đối với cán bộ, đảng viên, phải đi đầu để làm gương cho nhân dân học tập. Người nói rõ: "Nếu chính mình tham ô bảo người

⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 5.

¹⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 6.

¹¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 5, tr. 122.

¹² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 5, tr. 123.

ta liêm khiết có được không? Không được. Minh trước hết phải siêng năng, trong sạch thì mới bảo người ta trong sạch, siêng năng được”¹³.

Vận dụng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về “liêm, chính”, trong công cuộc phòng, chống tham nhũng hiện nay, Đảng và nước ta coi xây dựng đạo đức liêm chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là một trong những giải pháp phòng ngừa tham nhũng cần được đặc biệt coi trọng. Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí đã đề ra mục tiêu xây dựng “đội ngũ cán bộ, công chức kỷ cương, liêm chính”, và đưa ra giải pháp “Xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử nhằm bảo đảm sự liêm chính của đảng viên, cán bộ, công chức”. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII yêu cầu: “Coi trọng “giáo dục liêm chính”, kiên trì giáo dục, rèn luyện đức tính liêm khiết, xây dựng văn hóa tiết kiệm, không tham nhũng, trước hết trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức”.

Như vậy, xây dựng và thực hiện đạo đức liêm chính trong cán bộ, công chức, viên chức chính là một trong các giải pháp hướng đến mục tiêu ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; tạo bước chuyển biến rõ rệt để giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội; củng cố lòng tin của nhân dân; xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Xây dựng và thực hiện đạo đức liêm chính không chỉ là bổn phận của mỗi cán bộ, công chức, viên chức mà còn là trách nhiệm của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương và rất cần sự chung tay của cả cộng đồng.

Thấm nhuần tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và thực hiện có hiệu quả quan điểm của Đảng về xây dựng đạo đức liêm chính trong phòng chống tham nhũng, cần tập trung thực hiện các giải pháp cơ bản:

1. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về đạo đức liêm chính trong hoạt động công vụ

Cần thống nhất nhận thức và xác định quyết tâm chính trị thực sự trong việc xây dựng và thực hiện các chuẩn mực về đạo đức liêm chính trong hoạt động công vụ. Thống nhất được nhận thức chính là cơ sở để thống nhất hành động theo khuôn mẫu. Do đó, trước hết cần phải tuyên truyền, nâng cao nhận thức chung của cán bộ, công chức, viên chức đặc biệt là những cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý về liêm chính trong hoạt động công vụ, giúp cán bộ, công chức hiểu rõ về khái niệm liêm chính, nhận thức về ý nghĩa, vai trò của liêm chính trong hoạt động công vụ, những giá trị và chuẩn mực phải tuân thủ, ý thức trách nhiệm của mỗi người về xây dựng và thực hiện liêm chính. Tập

¹³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 8, tr. 98.

trung tuyên truyền các nội dung về liêm chính: Ý nghĩa, tầm quan trọng của phòng, chống tham nhũng và xây dựng đạo đức liêm chính; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức liêm chính và phòng, chống tham nhũng; kinh nghiệm, gương tiêu biểu về đạo đức liêm chính. Tuyên truyền, quán triệt, triển khai việc thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2015 của Bộ Chính trị gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến” và “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Cùng với nhận thức đúng đắn về liêm chính, toàn bộ hệ thống cần phải xác định quyết tâm chính trị thực sự. Quyết tâm chính trị thể hiện ở sự cam kết xây dựng và thực hiện liêm chính từ mỗi cán bộ, đảng viên. Sự cam kết đó được thể hiện ở chiến lược và hành động thực tiễn, được cụ thể hóa trong việc làm cụ thể và công khai để nhân dân giám sát. Quyết tâm chính trị còn bao hàm cả sự gương mẫu của những người đứng đầu để tạo sự lan tỏa từng cá nhân cán bộ, công chức, viên chức. Phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu trong thực thi công vụ cũng như trong cuộc sống.

2. Hoàn thiện và tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định pháp luật về đạo đức liêm chính

Nghiên cứu để thiết kế các chuẩn mực đạo đức liêm chính theo từng nhóm: Nhóm chuẩn mực áp dụng chung trong nền công vụ; nhóm chuẩn mực áp dụng cho từng đối tượng cụ thể theo cấp bậc chức vụ; nhóm chuẩn mực áp dụng cho từng lĩnh vực cụ thể; nhóm chuẩn mực chung được xây dựng và áp dụng trong toàn bộ nền công vụ. Trên cơ sở đó, mỗi bộ, ngành, địa phương và cơ quan cấp dưới xây dựng những giá trị và chuẩn mực phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, chức năng, nhiệm vụ của mình. Nhóm chuẩn mực chung về đạo đức liêm chính trong hoạt động công vụ cần được thiết kế thành một chế định riêng trong Luật Cán bộ, công chức để thống nhất trong cách hiểu, biện pháp áp dụng và tổ chức thực hiện.

Hoàn thiện các quy định về giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về liêm chính. Mở rộng nội dung giám sát của xã hội đối với việc thực hiện các giá trị và chuẩn mực về liêm chính của cán bộ, công chức, viên chức; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định là công cụ cho việc kiểm tra, giám sát như: Quy định về công khai, minh bạch, kê khai tài sản, trách nhiệm giải trình...

Tập trung nguồn lực trong việc tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về đạo đức liêm chính trong hoạt động công vụ. Đẩy mạnh cải cách hành

chính nói chung và cải cách thủ tục hành chính nói riêng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý bộ máy Nhà nước theo hướng công khai, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh, quản lý xã hội. Cần thực hiện thực sự nghiêm túc, đồng bộ cơ chế đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo hướng đa chiều, toàn diện, liên tục, lấy phẩm chất chính trị, đạo đức làm gốc, dựa trên chất lượng, hiệu quả công việc là thước đo chủ yếu.

3. Chú trọng yếu tố con người trong xây dựng và thực hiện liêm chính

Trong xây dựng và thực hiện liêm chính, yếu tố con người cho thấy vai trò quan trọng nhất không chỉ với tư cách là những người sẽ thực hiện các giá trị, chuẩn mực về liêm chính mà còn với tư cách là những người sẽ hướng dẫn, giám sát và xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện. Để bảo đảm yếu tố này cần làm tốt những công việc sau đây:

- Chú trọng làm tốt công tác bầu cử, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm tính công khai, dân chủ và khoa học. Đánh giá khách quan và chính xác năng lực, phẩm chất của mỗi cán bộ, công chức, viên chức để sử dụng đúng và phát huy năng lực cá nhân mỗi người..

- Khơi dậy lòng tự hào, niềm vinh dự, ý thức tự giác vươn tới những chuẩn mực đạo đức cần có trong thực thi công vụ. Nêu cao tinh thần, trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ do nhân dân giao phó, phục vụ lợi ích của nhân dân.

- Thường xuyên giáo dục đạo đức công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức, hình thành tri thức đạo đức, tình cảm đạo đức và hành vi đạo đức. Giáo dục đạo đức công vụ nhằm nâng cao ý thức tự giác cho công chức trong thực hiện các giá trị, chuẩn mực về đạo đức liêm chính. Giáo dục công vụ cần đề cao sự tự rèn luyện, tu dưỡng của cán bộ, công chức, khuyến khích và tôn vinh sự hướng thiện vì lý tưởng phục vụ nhân dân, phục vụ đất nước, khắc phục thói vô cảm, ích kỷ, vụ lợi trong khi thực hiện nhiệm vụ.

4. Kiểm tra, giám sát, ngăn ngừa và xử phạt nghiêm minh những hành vi vi phạm liêm chính

Đây mạnh, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát hoạt động thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức để đảm bảo mọi hành vi đều tuân thủ đúng những chuẩn mực đạo đức, tác phong, quy tắc ứng xử theo quy định. Kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, lấy “xây” là chính. Muốn xây phải chống, chống nhằm mục đích xây là con đường để xây dựng đạo đức cách mạng, là nguyên tắc được Hồ Chí Minh khẳng định và vận dụng thường xuyên linh hoạt, đầy sáng tạo trong chỉ dẫn thực hiện. Xây dựng đạo đức mới, bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, nhất thiết phải chống những biểu hiện phi đạo đức, sai

trái, xấu xa. Đó là chủ nghĩa cá nhân. Trong kiểm tra, giám sát cần chú ý lời nhắc nhở của Bác “Muốn chống bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy; muốn biết các nghị quyết có được thi hành không, thi hành có đúng không; muốn biết ai ra sức làm, ai làm qua chuyện, chỉ có một cách, là khéo kiểm soát. Khéo kiểm soát, bao nhiêu khuyết điểm lòi ra hết, hơn nữa kiểm tra khéo về sau khuyết điểm nhất định bớt đi”¹⁴.

Xử lý nghiêm minh, kịp thời những vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để răn đe, phòng ngừa tái diễn và lan rộng vi phạm, đảm bảo kỷ cương, phép nước, tăng cường pháp chế. Ngoài ra cần có chế độ khen thưởng kịp thời cho những hành vi đẹp, những tấm gương tốt trong thực thi công vụ để ghi nhận và động viên, khích lệ mọi người cố gắng.

¹⁴ *Hồ Chí Minh: Toàn tập Sđd, tập 5, tr.327*

HỌC VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN TÍCH CỰC HỌC TẬP ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

ThS. Hoàng Thị Vân

Bí thư Đoàn trường THPT Định Hóa

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến công tác cán bộ, Người thâm nhuần lời dạy của Lênin: "*Trong lịch sử chưa hề có một giai cấp nào giành được quyền thống trị nếu không đào tạo ra được trong hàng ngũ của mình những lãnh tụ chính trị, những đại biểu tiên phong có đủ khả năng tổ chức và lãnh đạo phong trào*" [1]. Chủ tịch Hồ Chí Minh coi "*Cán bộ là cái gốc trong mọi công việc*" [2] và "*Muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém*" [3]. Để đội ngũ cán bộ, đảng viên phát huy được vị trí, vai trò của mình thì mỗi cán bộ, đảng viên cần có đủ phẩm chất và năng lực trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ là vấn đề cấp bách của Đảng và Nhà nước. Trong phẩm chất, năng lực ấy Người đặc biệt quan tâm đến đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên. Đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên được Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát ở những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, trung với nước, hiếu với dân

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tận trung với nước là chuẩn mực có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Đó là lẽ phải, là chân lý. Nước mất thì nhà tan, mỗi người dân sẽ thành nô lệ. Do đó, là người công dân thì phải tận trung với nước, tận lực phụng sự Tổ quốc: suốt đời phấn đấu, hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội; nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng; không phản bội, quy hàng kẻ địch,... Tận trung với nước cũng chính là tận trung với Đảng, quyết tâm đưa đất nước phát triển theo con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Bởi vì, Đảng là người đại diện cho nước, cho dân, "*ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích gì khác*".

Thứ hai, yêu thương và giúp đỡ con người, sống có nghĩa, có tình

Tình yêu thương con người ở Chủ tịch Hồ Chí Minh không chung chung, trừu tượng mà rất cụ thể, sâu sắc và bao dung. Đó không chỉ là tình thương yêu tất cả những người lao động, mà còn đặc biệt thương yêu những người bị áp bức, bóc lột, bị đọa đầy đau khổ.

Sống có nghĩa, có tình, giúp người, cứu người, hướng tới giải phóng triệt để con người là động cơ mạnh mẽ, là mục tiêu lý tưởng cao cả của Hồ Chí Minh. Người nói rõ: "*Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì*". Do đó, để giải phóng triệt để con người thì không chỉ đánh đổ bọn thực dân xâm lược, giải phóng dân tộc mà còn

xoá bỏ tình trạng người bóc lột người. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, để thực hiện được mục tiêu đó thì “*không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*”.

Thứ ba, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

“*Cần*” tức là lao động cần cù, siêng năng, chăm chỉ; lao động có kế hoạch, sáng tạo, có năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng, không ỷ lại, không dựa dẫm..

“*Kiệm*” theo Hồ Chí Minh là tiết kiệm, sử dụng có kế hoạch và có mục đích, không xa xỉ hoang phí, phô trương hình thức. Theo Người, để xây dựng cuộc sống mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội chúng ta không những phải tiết kiệm tiền bạc, sức lực mà còn phải biết tiết kiệm cả thời gian, Người cũng chỉ rõ kiệm không có nghĩa là bủn xỉn, việc gì cần làm, cần chi thì không tiếc.

“*Liêm*” tức là luôn luôn tôn trọng giữ gìn của công và của dân, sống trong sạch, không tham lam. Không tham địa vị, không tham tiền tài, không tham sung sướng, không ham người tân bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hoá. Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ. Như vậy để trở thành người có phẩm chất đạo đức tốt, phải hội đủ các yếu tố: cần, kiệm, liêm, chính.

“*Chính*” theo Chủ tịch Hồ Chí Minh “*nghĩa là không tà, thẳng thắn, đứng đắn*”. Đối với mình; không tự cao, tự đại, luôn chịu khó học tập cầu tiến bộ, luôn tự kiểm điểm để phát triển điều hay, sửa đổi điều dở của bản thân mình. Đối với người; không nịnh hót người trên, không xem khinh người dưới; luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết thật thà; không dối trá, lừa lọc. Người chính thấy “*việc thiện dù nhỏ mấy cũng làm. Việc ác dù nhỏ mấy cũng tránh. Việc gì dù lợi cho mình, phải xét nó có lợi cho nước không? Nếu không có lợi mà có hại cho nước thì quyết không làm*”

Chí công vô tư: cần, kiệm, liêm, chính sẽ dẫn đến chí công vô tư và ngược lại. Chí công vô tư là khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, khi hưởng thụ thì mình nên đi sau, tức là lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ. Người nhân mạnh, thực hành chí công vô tư cũng có nghĩa là phải kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân.

Thứ tư, tinh thần quốc tế trong sáng

Chủ nghĩa quốc tế là một trong những đặc trưng của đạo đức cộng sản, bắt nguồn từ vai trò của giai cấp công nhân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, chủ nghĩa quốc tế chính là quan hệ hữu nghị, hợp tác, giúp đỡ, tương trợ với các dân tộc bị áp bức, với nhân dân lao động các nước, với những người yêu hòa bình, công lý và tiến bộ trên thế giới. Chủ nghĩa quốc tế chỉ có thể tốt đẹp khi mỗi quốc gia phải phát huy tinh thần chủ động, tự lực tự cường và phải hoàn thành nghĩa vụ quốc tế của mình, chống chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, nước lớn. Đó là tinh thần quốc tế cao đẹp mà Chủ tịch Hồ Chí

Minh yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên đều phải thấm nhuần và rèn luyện trong cuộc đấu tranh chung vì hòa bình, phát triển và tiến bộ trên toàn thế giới.

Thấm nhuần đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh, trong những năm qua, phần lớn học viên tham gia học tập tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên luôn có tinh thần, thái độ học tập tích cực, có đạo đức cách mạng tốt, luôn giữ vững lập trường tư tưởng chính trị, có sự nhất quán trong nhận thức và hành động thực tiễn theo đúng chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Các học viên sau khi được đào tạo, bồi dưỡng tại Trường đều được bổ sung, nâng cao nhận thức về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị góp phần nâng cao trình độ và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Thái Nguyên.

Bên cạnh đó, một số học viên do trình độ nhận thức còn hạn chế, nên việc tiếp thu tri thức, nhất là tri thức nền tảng lý luận của Đảng còn gặp nhiều khó khăn. Việc xác lập tri thức, hình thành thế giới quan mác-xít của một số ít học viên chưa tốt, dẫn đến còn mờ mẫm trong nhận thức và hành động thực tiễn. Một số học viên sau khi ra trường không tiếp tục chủ động học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, đạo đức cách mạng, có biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống. Ngoài ra, đôi khi một số học viên chưa chủ động, chưa tích cực trong học tập, tu dưỡng, rèn luyện, chấp hành nội quy, quy chế tại trường.

Để góp phần nâng cao hiệu quả học tập đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh, trong thời gian tới, học viên Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Một là, học viên cần tích cực học tập nâng cao tri thức lý luận chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ở Việt Nam, từ khi ra đi tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tích cực tìm hiểu các cuộc cách mạng lớn, các chủ nghĩa, học thuyết tiến bộ trên thế giới và Người đi đến kết luận: *“Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin”* và vì vậy *“để cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản theo chủ nghĩa Lênin”*[4]. Do đó, các học viên cần chủ động học và tự học để nắm vững nền tảng lý luận của Đảng. Trong đó trọng tâm ghi nhớ, thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng, để sớm hình thành thế giới quan và hành đạo nhất quán theo đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh, ...

Thứ hai, thông qua đào tạo, bồi dưỡng, các học viên tăng cường rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào mục tiêu lý tưởng cách mạng của Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

Thứ ba, chấp hành nghiêm chỉnh quy chế, nội quy của trường; tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện, hoàn thành tốt chương trình học tập để nâng cao trình độ lý luận chính trị; vận dụng sáng tạo lý thuyết vào thực tiễn công tác.

Thứ tư, tham gia tích cực các phong trào thi đua; thực hiện tốt phong trào thi đua yêu nước; ứng dụng chuyên đổi số trong công tác; tăng cường đổi mới tư duy, phương pháp làm việc; đóng góp tích cực các sáng kiến, ý tưởng hay trong học tập, công tác.

Thứ năm, thực hiện tốt văn hóa trường Đảng; tích cực rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức lối sống; kiên quyết đấu tranh, phản bác những luận điệu sai trái của các thế lực thù địch, phấn đấu trở thành học viên gương mẫu, học viên tiêu biểu.

Thứ sáu, các địa phương cần làm tốt công tác cán bộ, có quy hoạch đúng người, đúng đối tượng theo chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tạo ra sự đồng bộ, nhất qua trong nhận thức của cán bộ, đảng viên khi tham gia học tập.

Hiện nay, đất nước ta đang xu hướng toàn cầu hóa, gắn liền với sự nghiệp đổi mới đất nước đã và đang đặt ra những yêu cầu ngày càng cao đối với sự hình thành và phát triển những phẩm chất đạo đức tốt đẹp của con người Việt Nam. Đồng thời cũng tạo ra những thuận lợi và những thử thách mới đối với mỗi chúng ta trong lĩnh vực đạo đức. Hơn lúc nào hết, toàn Đảng, toàn dân ta đang tiếp tục xây dựng, hoàn thiện những chuẩn mực đạo đức đúng đắn, tiên bộ; đẩy mạnh giáo dục, rèn luyện và tăng cường quản lý đạo đức trong Đảng và trong nhân dân. Kế thừa truyền thống đạo đức tốt đẹp của ông cha, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là một trong những biện pháp quan trọng nhất để khắc phục sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm lành mạnh nền đạo đức xã hội, góp phần giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội, tạo động lực cho sự phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững.

*** Tài liệu tham khảo**

- [1]. Hồ Chí Minh (2000), toàn tập, tập 5, NXB CTQG, Hà Nội.tr 269
- [2]. Hồ Chí Minh (2000), toàn tập, tập 5, NXB CTQG, Hà Nội.tr 269
- [3]. Hồ Chí Minh (2000), toàn tập, tập 5, NXB CTQG, Hà Nội,tr .240
- [4]. Hồ Chí Minh (2000) toàn tập, tập 2. NXB CTQG, Hà Nội tr.268

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM TRONG GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

ThS. Trần Thị Thanh Huyền

Giảng viên Phòng QLĐT&NCKH

Trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, phụ nữ Việt Nam đã có những đóng góp to lớn cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Ngay từ buổi đầu lập nước, khi gặp nạn ngoại bang xâm lược, bà Trưng bà Triệu đã dấy binh khởi nghĩa đánh đuổi quân thù. Thế kỷ XX, qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, lịch sử lại ghi nhận hàng vạn tấm gương phụ nữ, các chị, các mẹ không ngại gian khổ, không tiếc máu xương, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh, cống hiến không chỉ cuộc đời mình mà cả con em cho độc lập tự do của Tổ quốc. Phụ nữ không chỉ chiến đấu anh hùng mà đã lao động cần cù, gian khó để vượt lên cảnh đói nghèo và lạc hậu, góp phần xây dựng đất nước ngày càng to đẹp và đàng hoàng hơn. Chính vì thế mà Đảng, Bác Hồ đã phong tặng phụ nữ Việt Nam tám chữ vàng “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang” trong thời kỳ kháng chiến và “Trung hậu, đảm đang, tài năng, anh hùng” trong thời kỳ đổi mới đất nước, đó không chỉ là sự khích lệ, động viên mà còn là sự thừa nhận và đánh giá vai trò to lớn của phụ nữ Việt Nam.

Ngày nay, khi đất nước bước vào thời kỳ hội nhập với khu vực và thế giới, trong công cuộc xây dựng đất nước trên con đường công nghiệp hóa - hiện đại hóa, phụ nữ Việt Nam tiếp tục đóng vai trò quan trọng, là động lực thúc đẩy sự phát triển chung của xã hội. Vai trò này đang được khẳng định một cách rõ nét hơn bao giờ hết.

Trước hết, chúng ta phải thừa nhận vị trí hết sức quan trọng của người phụ nữ trong gia đình. Họ có ảnh hưởng to lớn tới hạnh phúc và sự ổn định của gia đình. Là người vợ hiền, họ luôn hiểu chồng, sẵn sàng chia sẻ những ngọt bùi cũng như những đắng cay cùng chồng, khiến người chồng luôn cảm thấy yên tâm trong cuộc sống, từ đó họ có thể đóng góp nhiều hơn cho xã hội. Không chỉ chăm sóc giúp đỡ chồng trong gia đình, người vợ còn đưa ra những lời khuyên thiết thực giúp chồng trong công việc, đóng góp vào thành công trong sự nghiệp của chồng. Là người mẹ hết lòng vì con cái, họ thực sự là những tấm gương cho con cái noi theo. Người mẹ ngày nay còn là một người bạn lớn luôn ở bên con để hướng dẫn, động viên kịp thời. Bất cứ ai trong chúng ta đều có thể tìm thấy ở những người phụ nữ, người vợ, người mẹ sự yên tĩnh trong tâm hồn và sự cân bằng bình yên trong cuộc sống. Chính họ đã tiếp sức cho chúng ta vượt qua những khó khăn để sống một cuộc sống hữu ích.

Trong thời đại mới, bên cạnh vai trò quan trọng trong gia đình, người phụ nữ còn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội. Ngày càng có nhiều người trở thành nhà lãnh đạo, nhà khoa học nổi tiếng, nhà quản lý năng động. Trong nhiều lĩnh vực, sự có mặt của người phụ nữ là không thể thiếu như ngành dệt, may mặc, du lịch, công nghệ, dịch vụ... Quyền của phụ nữ về kinh tế đã được nâng lên thông qua việc pháp luật quy định phụ nữ cùng đứng tên với nam giới trong giấy chứng nhận quyền sở hữu đất đai, nhà ở và tài sản. Đặc biệt, hệ thống các ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ đã được thành lập ở hầu hết các bộ, ngành và toàn bộ các tỉnh, thành phố trong cả nước. Mạng lưới cán bộ tư vấn về giới hoạt động hiệu quả, hệ thống pháp luật bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ được tăng cường bằng Luật Bình đẳng giới.

Như vậy có thể nói, trong xu thế hội nhập và phát triển của đất nước, phụ nữ Việt Nam tiếp tục phát huy và khẳng định vai trò, vị trí của mình đối với sự phát triển của xã hội. Khi nền kinh tế của chúng ta càng phát triển, phụ nữ càng có nhiều cơ hội hơn, phá vỡ sự phân công lao động cứng nhắc theo giới, cho phép phụ nữ tham gia vào nền kinh tế thị trường và khiến nam giới phải chia sẻ trách nhiệm chăm sóc gia đình, giảm nhẹ gánh nặng việc nhà cho phụ nữ, tạo cho họ nhiều thời gian nhàn rỗi hơn để tham gia vào các hoạt động khác; đồng thời tạo ra nhiều cơ hội hơn cho phụ nữ trên thị trường lao động...

Hiện nay, những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại đã phân nào hỗ trợ người phụ nữ trong công việc nội trợ, giảm bớt sức lao động của người phụ nữ trong gia đình. Song, phụ nữ vẫn là người làm chính công việc nhà, từ việc bếp núc tới việc dạy dỗ con cái, chăm lo đời sống tinh thần cho các thành viên trong gia đình. Cộng với thời gian làm việc ngoài xã hội, quỹ thời gian dành cho việc hưởng thụ các giá trị văn hóa tinh thần, việc học tập nâng cao trình độ kiến thức của phụ nữ là rất hiếm hoi, thậm chí ở một số đối tượng phụ nữ như công nhân, người buôn bán, quỹ thời gian này gần như không có. Bên cạnh đó, nguy cơ bạo lực gia đình đang là mối đe dọa cho một số không nhỏ phụ nữ.

Để người phụ nữ đảm đương được vai trò của mình, đồng thời phát huy được hết khả năng bản thân để phát triển trong thời hiện đại, yếu tố tự thân của mỗi phụ nữ là rất quan trọng. Chỉ khi nào tính tích cực, chủ động của người phụ nữ được khơi dậy, phụ nữ mới vừa có thể đảm đương tốt công việc ngoài xã hội, vừa duy trì được mối quan hệ gia đình bền chặt, một tổ ấm hạnh phúc. Điều cần làm là làm sao để gia đình và xã hội tạo được những điều kiện thuận lợi nhất cho phụ nữ phát huy được khả năng của mình, đó là: người phụ nữ có công việc ổn định để đảm bảo cuộc sống, có cơ hội học tập nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn, tham gia ngày càng nhiều hơn vào các hoạt động xã hội, các đoàn thể, câu lạc bộ, có thời gian hưởng thụ văn hóa, văn nghệ, chăm sóc sức khỏe,...

QUYỀN THAM CHÍNH CỦA PHỤ NỮ

ThS. Trần Thu Trang

Khoa Nhà nước & pháp luật

Về mặt thuật ngữ, “tham chính” có thể hiểu là “tham gia vào chính quyền ở một công việc nào đó”. Để hiểu rõ hơn, cần xem xét quyền này dưới nhiều góc độ. Quyền tham chính của phụ nữ là thước đo quan trọng về mức độ bình đẳng giới. Dưới góc độ lịch sử và xã hội, tham chính, thực hiện các quyền chính trị là những phương thức quan trọng góp phần xác lập năng lực pháp lý bình đẳng giữa phụ nữ với nam giới trong việc tham gia quản lý nhà nước và xã hội

Thứ nhất, mức độ tham chính của phụ nữ là một trong những thước đo tốt nhất đánh giá vai trò của họ và về thực trạng bình đẳng giới trong đời sống chính trị nói riêng và trong xã hội nói chung. Thời khắc phụ nữ được trực tiếp cầm lá phiếu tham gia bầu cử, thể hiện ý kiến về một vấn đề quan trọng của đất nước, hay tự đứng ra ứng cử... chính là lúc lịch sử ghi nhận vai trò và tiếng nói của họ, đồng thời, khẳng định sự tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ giá trị, phẩm giá của phụ nữ. Phụ nữ tham chính cũng tức là tham gia vào quá trình ra quyết định những vấn đề lớn của xã hội, đất nước, bằng chính năng lực của mình, trong quan hệ bình đẳng với nam giới. Điều này thực sự có ý nghĩa trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại.

Thứ hai, quyền tham chính của phụ nữ phản ánh bản chất dân chủ và bình đẳng. Bình đẳng giới, trong đó có bình đẳng giới về tham chính được bảo đảm thì các quyền con người, quyền cơ bản của công dân mới được thực hiện đầy đủ. Khi các quyền con người, quyền cơ bản của công dân được bảo đảm, bảo vệ trong thực tế, không phân biệt giới tính, tuổi tác, giai cấp, dân tộc, thì tính chính đáng của Nhà nước mới thực sự được khẳng định, dân chủ mới thực sự được phát huy. Do đó, có thể nói sự tham chính của phụ nữ là một thước đo phản ánh dân chủ trong xã hội. Quyền tham chính là một quyền chính trị. Dưới khía cạnh quyền, tham chính là một quyền chính trị. Quyền chính trị của con người hay quyền con người về chính trị là những nhu cầu, lợi ích chính trị tự nhiên, vốn có và khách quan của con người, được ghi nhận, bảo đảm và bảo vệ trong luật pháp quốc tế và pháp luật quốc gia. Bảo đảm quyền của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị có vai trò đặc biệt quan trọng trong bảo đảm vị thế của phụ nữ trong xã hội. Quyền chính trị của con người đã được nhắc đến trong các văn bản pháp lý quốc tế như Hiến chương Liên Hợp Quốc năm 1945, Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (UDHR) năm 1948, Công ước quốc tế về quyền chính trị của phụ nữ năm 1952 và đặc biệt, được thể hiện tập trung trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) năm 1966. Các quyền chính trị được chỉ ra trong UDHR năm 1948 và tiếp tục được khẳng định, ghi nhận, cụ thể hóa trong

ICCPR năm 1966. Theo đó, mọi người đều có quyền tham gia quản lý đất nước mình một cách trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức đại diện và họ được lựa chọn (Điều 21).

Ở Việt Nam, quyền chính trị đã được khẳng định từ Hiến pháp năm 1946. Theo đó, quyền chính trị quan trọng hàng đầu được Hiến pháp năm 1946 quy định là quyền “được tham gia chính quyền và công cuộc kiến quốc tùy theo tài năng và đức hạnh của mình” (Điều 7), quyền này tiếp tục được phát triển và hoàn thiện qua các bản Hiến pháp năm 1959, năm 1980, 1992 và Hiến pháp năm 2013 (Hiến pháp hiện hành). Hiến pháp năm 2013 đã phát triển, quy định cụ thể, chặt chẽ hơn các quyền chính trị của công dân gồm: Quyền bầu cử và quyền ứng cử (Điều 27); quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước (Điều 28); quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân (Điều 29); quyền tự do ngôn luận, báo chí, quyền tiếp cận thông tin (Điều 25); quyền tự do hội họp, lập hội, biểu tình (Điều 25); quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo (Điều 24); quyền bình đẳng của các dân tộc (Điều 5). Như vậy, có thể thấy quyền tham chính nếu hiểu theo nghĩa hẹp, sẽ là quyền chính trị, trong đó, chủ thể quyền tham gia vào chính quyền dưới các hình thức như: bầu cử và ứng cử, tham gia quản lý nhà nước. Tiếp đó là các quyền: Quyền bãi miễn đại biểu mà mình đã bầu ra của công dân (Điều 20); Quyền phúc quyết về hiến pháp và những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia (Điều 21)....

Có thể nói, các quyền chính trị (trong đó có quyền tham chính) cùng với các quyền dân sự, quyền kinh tế - văn hóa - xã hội là những quyền con người, quyền cơ bản của công dân, là thước đo trình độ phát triển văn minh, dân chủ ở mỗi quốc gia. Việc bảo đảm vị thế của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị, nâng cao năng lực tham chính của phụ nữ là một vấn đề mang tính thời đại, có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao vị thế của phụ nữ, phát huy dân chủ, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong xã hội./.